

Số: 121.../KBT

V/v: "Giải trình lợi nhuận Quý III
năm 2013 giảm so với Quý III năm
2012"

Kiên giang, ngày 18 tháng 10 năm 2013

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**
2. Mã chứng khoán: **KBT**
3. Địa chỉ trụ sở chính: *Tổ 4-Khu phố Xà Ngách-Thị trấn Kiên Lương-Huyện Kiên Lương-Tỉnh Kiên Giang.*
4. Điện thoại: 0773 75 17 17 – Di động : 0903 866 286 Fax: 0773 750 511
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Quang Tuấn**

6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính Quý III năm 2013 của Công Ty CP Gạch ngói Kiên giang lập ngày 18 tháng 10 năm 2013 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2 Nội dung giải trình lợi nhuận sau thuế 710.327.535 đồng, giảm so với cùng kỳ năm trước là 56,6%, nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận giảm là :

1. Doanh thu giảm 13,8% so với cùng kỳ tương ứng giảm lợi nhuận gộp 209 triệu đồng.
2. Chi phí tài chính tăng 24,7% so với cùng kỳ năm trước là do dự trữ nguồn nguyên vật liệu cho dây chuyền 2 (Than, đất sét, phụ tùng thay thế..) nên ảnh hưởng đến vốn vay ngắn hạn tăng lên tương ứng với chi phí lãi vay 64 triệu đồng.
3. Chi phí bán hàng tăng 31% so với cùng kỳ năm trước là do phải chịu chi phí 240 triệu đồng của palét đóng kiện xuất bán gạch thành phẩm
4. Do tăng chi phí khấu hao và lãi vay của dây chuyền 2 – giai đoạn 1; nhưng chưa có phát sinh sản phẩm và doanh thu.

Trong đó :

- . Chi phí lãi vay : 307 triệu đồng
- . Chi phí khấu hao : 77 triệu đồng

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.tuynelkiengiang.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Lâm Duy Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Khu phố Xà gạch - TT Kiên Lương - Kiên Giang

Tel: 077 3 751717 Fax: 077 3 750511

Báo cáo tài chính

Quý III Năm 2013

Mẫu số B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuế Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16 566 745 856	17 797 181 726
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		527 199 475	1 577 965 538
1. Tiền	111	V.01	527 199 475	1 577 965 538
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8 125 659 676	10 845 840 983
1. Phải thu khách hàng	131		4 869 874 304	5 030 370 967
2. Trả trước cho người bán	132		3 149 888 960	4 408 682 224
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	283 915 452	1 584 806 832
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(178 019 040)	(178 019 040)
IV. Hàng tồn kho	140		6 438 038 665	4 656 717 711
1. Hàng tồn kho	141	V.04	6 438 038 665	4 656 717 711
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1 475 848 040	716 657 494
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		829 531 670	477 080 755
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		298 558 051	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	58 699 818	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		289 058 501	239 576 739
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61 788 654 200	46 592 712 586
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		59 838 948 659	43 588 243 632
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	33 610 607 965	35 166 051 279
- Nguyên giá	222		47 353 290 962	46 891 793 204
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13 742 682 997)	(11 725 741 925)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4 894 842 317	5 077 755 966
- Nguyên giá	228		6 435 557 600	6 435 557 600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1 540 715 283)	(1 357 801 634)



Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuết Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	21 333 498 377	3 344 436 387
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		1 949 705 541	3 004 468 954
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1 949 705 541	3 004 468 954
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		78 355 400 056	64 389 894 312
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		44 744 003 659	28 163 724 452
I. Nợ ngắn hạn	310		21 153 180 816	16 635 734 455
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	13 822 062 142	10 690 803 001
2. Phải trả người bán	312		2 989 661 765	1 450 915 696
3. Người mua trả tiền trước	313		999 696 704	609 118 103
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	2 147 553	288 099 472
5. Phải trả người lao động	315		796 437 071	731 127 899
6. Chi phí phải trả	316	V.17	133 273 155	54 572 503
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2 197 084 585	2 168 085 351
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		212 817 841	643 012 430
II. Nợ dài hạn	330		23 590 822 843	11 527 989 997
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	23 590 822 843	11 527 989 997
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.22	33 611 396 397	36 226 169 860
I. Vốn chủ sở hữu	410		33 611 396 397	36 226 169 860
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30 016 990 000	30 016 990 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuế Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1 298 677 319	1 298 677 319
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (từ thiện XH)	419		49 775 380	8 025 380
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2 245 953 698	4 902 477 161
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		78 355 400 056	64 389 894 312
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1. Tài sản thuê ngoài	01			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04			
5. Ngoại tệ các loại	05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

Kiên Lương, Ngày 18 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



GIÁM ĐỐC

ĐẶNG THỊ KIM UYÊN

PHẠM VĂN CƠ

LÂM DUY KHÁNH

KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuết Minh	Quý Đây Năm nay	Quý Đây Năm trước	Lũy kế (Năm nay)	Lũy kế (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	8 097 392 942	9 394 622 446	25 102 147 164	26 225 657 998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		8 097 392 942	9 394 622 446	25 102 147 164	26 225 657 998
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	4 961 997 789	6 049 722 018	17 250 085 359	16 864 175 257
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		3 135 395 153	3 344 900 428	7 852 061 805	9 361 482 741
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	34 694 995	164 544 124	115 449 253	201 041 805
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	631 541 856	260 450 909	1 965 895 199	797 980 418
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		631 541 856	260 450 909	1 965 895 199	797 980 418
8. Chi phí bán hàng	24	VI.19	972 445 972	741 911 388	2 602 630 090	2 082 394 022
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.20	836 679 880	797 638 729	2 343 036 506	2 171 907 259
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (24+25)}	30		729 422 440	1 709 443 526	1 055 949 263	4 510 242 847
11. Thu nhập khác	31		55 850 364	8 795 818	135 577 636	9 695 818
12. Chi phí khác	32		31 395 123	21 836 977	31 703 235	42 767 059
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		24 455 241	- 13 041 159	103 874 401	- 33 071 241
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45					
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		753 877 681	1 696 402 367	1 159 823 664	4 477 171 606
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		43 550 146	59 374 085	124 308 327	177 056 634
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		710 327 535	1 637 028 282	1 035 515 337	4 300 114 972
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		237	545	345	1 433

Kiên Lương, Ngày 18 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



GIÁM ĐỐC

ĐẶNG THỊ KIM UYÊN

PHẠM VĂN CƠ

LÂM DUY KHÁNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế đến quý này (Năm nay)	Lũy kế đến quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		753 877 681	4 477 171 606
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2 199 854 721	1 356 777 244
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3 304 258)	(5 738 128)
- Chi phí lãi vay	06		1 965 895 199	797 980 418
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4 916 323 343	6 626 191 140
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2 313 441 676	(3 526 663 605)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1 781 320 954)	1 679 476 113
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1 436 591 060	(5 109 414 816)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		702 312 498	(1 309 095 536)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1 965 895 199)	(797 980 418)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(248 006 763)	(117 682 549)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10 749 999	5 350 000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		416 140 000	(602 226 364)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5 800 335 660	(3 152 046 035)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18 450 559 748)	(2 639 258 325)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3 304 258	5 738 128
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18 447 255 490)	(2 633 520 197)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		33 514 334 670	13 486 302 329
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(18 320 242 683)	(7 654 511 613)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3 597 938 220)	(1 586 130 300)

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế đến quý này (Năm nay)	Lũy kế đến quý này (Năm trước)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11 596 153 767	4 245 660 416
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1 050 766 063)	(1 539 905 816)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1 577 965 538	1 589 968 730
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		527 199 475	50 062 914

Kiên Lương, Ngày 18 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐẶNG THỊ KIM UYÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM VĂN CƠ



LÂM DUY KHÁNH

11
11
11
11
11

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý III năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Xi nghiệp gạch Tuynel Kiên Giang thuộc Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang (nay là Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Phát Triển Nhà Kiên Giang). Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 56-03-000133 ngày 01 tháng 04 năm 2008 do Sở kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Kiên Giang cấp; và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700572808 ngày 30 tháng 03 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy của Công ty được đặt tại Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.016.990.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch tuynel.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác cát, sỏi, đất sét, đất bùn; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; Bán buôn than đá, than bùn và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, đất bùn; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác trong cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Cho thuê xe ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác và thu gom than bùn.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý III năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý III năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 25 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 09 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
+ Tài sản cố định vô hình	06 – 30 năm

4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.9. Phân chia lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận thuần sau thuế được phân chia cho các cổ đông sau khi trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty, các quy định pháp lý của nhà nước và sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý III năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

· Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển

giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

· Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

· Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

· Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	22.324.253	122.007.634
Tiền gửi ngân hàng	504.875.222	1.455.957.904
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng cộng	527.199.475	1.577.965.538

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	4.869.874.304	5.030.370.967
Trả trước cho người bán	3.149.888.960	4.408.682.224
Các khoản phải thu khác	283.915.452	1.584.806.832
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	8.303.678.716	11.023.860.023
Dự phòng phải thu khó đòi	(178.019.040)	(178.019.040)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	8.125.659.676	10.845.840.983

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong khoản phải thu khách hàng và phải thu khác có khoản phải thu các bên có liên quan là 1.413.446.470 VNĐ – Xem thêm mục 7.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý III năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Toàn bộ giá trị các khoản phải thu được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng
 – Xem thêm mục 5.8.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4.612.929.131	3.745.137.543
Công cụ, dụng cụ	52.278.172	21.192.817
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	797.062.751	645.341.036
Thành phẩm	975.768.611	245.046.315
Cộng giá gốc hàng tồn kho	6.438.038.665	4.656.717.711
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	6.438.038.665	4.656.717.711

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	ĐVT: ngàn đồng					Tổng cộng
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý		
Nguyên giá						
Tại ngày 30/06/2013	27.751.550	14.543.846	4.745.556	312.339		47.353.291
Mua trong kỳ						
Đầu tư XDCB hoàn thành						
Số dư cuối kỳ	27.751.550	14.543.846	4.745.556	312.339		47.353.291
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 30/06/2013	6.313.041	4.082.294	2.521.061	153.558		13.069.954
Khấu hao trong kỳ	285.289	241.685	136.777	8.977		672.728
Số dư cuối kỳ	6.598.330	4.323.979	2.657.838	162.535		13.742.682
Giá trị còn lại						
Tại ngày 30/06/2013	21.438.508	10.461.552	2.224.496	158.780		34.283.336
Tại ngày cuối kỳ	21.153.220	10.219.867	2.087.717	149.804		33.610.608

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng
 – Xem thêm mục 5.8 và 5.12.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 782.409.306 đồng.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 30/06/2013	6.213.375.782	222.181.818	6.435.557.600
Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6.213.375.782	222.181.818	6.435.557.600
Giá trị hao mòn lũy kế			

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý III năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Tại ngày 30/06/2013	1.436.748.912	42.924.254	1.479.673.166
Khấu hao trong kỳ	53.282.355	7.759.762	61.042.117
Số dư cuối kỳ	1.490.031.267	50.684.016	1.540.715.283
Giá trị còn lại			
Tại ngày 30/06/2013	4.776.626.870	179.257.564	4.955.884.434
Tại ngày cuối kỳ	4.723.344.515	171.497.802	4.894.842.317

Trong quyền sử dụng đất chủ yếu là lợi thế khai thác mỏ sét và các chi phí đền bù, giải tỏa đất. Toàn bộ quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp các khoản vay tại ngân hàng – Xem thêm mục 5.8

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Xây dựng dây chuyền 2	20.778.434.546	2.776.113.241
Nâng cấp đường vào công ty	300.000.000	300.000.000
Xây dựng cơ bản khác	255.063.831	268.323.146
Tổng cộng	21.333.498.377	3.344.436.387

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	230.282.178	1.144.613.332
Sửa chữa nhà xưởng	1.122.582.899	1.303.315.630
Chi phí trả trước dài hạn khác	596.840.464	556.539.992
Tổng cộng	1.949.705.541	3.004.468.954

5.8. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	12.872.062.142	8.290.803.001
Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.12	950.000.000	2.400.000.000
Tổng cộng	13.822.062.142	10.690.803.001

Vay ngân hàng là khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng bằng tiền VNĐ với lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ trong khoảng từ 9%/năm đến 10,5%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho phương án sản xuất – kinh doanh. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ tài sản cố định, hàng hóa, nguyên liệu tồn kho, nợ phải thu, quyền sử dụng đất – Xem thêm mục 5.2, 5.3, 5.4 và 5.5.

5.9. Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải trả cho bên liên quan là 1.741.698.859 VNĐ – Xem thêm mục 7.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý III năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng		210.599.651
Thuế thu nhập doanh nghiệp		64.998.618
Thuế thu nhập cá nhân	1.893.553	
Các khoản phí, lệ phí	254.000	
Tổng cộng	2.147.553	288.099.472

5.10. Phải trả người lao động

Là quỹ lương cuối kỳ còn lại chưa chi.

5.11. Vay dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	21.490.822.843	9.252.989.997
Vay đối tượng khác	2.100.000.000	2.275.000.000
Tổng cộng	23.590.822.843	11.527.989.997

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 52 tháng đến 72 tháng với lãi suất 12,5%/năm đến thời điểm 30/09/2013. Kể từ Quý III năm 2013 trở đi, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng; mục đích vay là để đầu tư dự án mở rộng nhà máy gạch Tuynel (dây chuyền 2), các khoản vay được bảo đảm bằng một số tài sản thuộc sở hữu của Công ty, quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2013 là 600.000.000 đồng – Xem thêm mục 5.4, 5.5 và 5.8.

Vay đối tượng khác là khoản vay từ Quỹ đầu tư phát triển Kiên Giang với thời hạn 60 tháng; với lãi suất 12%/năm; mục đích vay là để đầu tư dự án mở rộng nhà máy gạch Tuynel (dây chuyền 2); khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2013 là 700.000.000 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 8)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý III năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13 Vốn chủ sở hữu

5.13.3. Biến động của chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ từ thiện xã hội	Cộng
Số dư tại ngày 31/12/2012	30.016.990.000	1.298.677.319	4.902.477.161	8.025.380	36.226.169.860
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm	-	-	325.187.802	-	325.187.802
Trích lập quỹ	-	-	(90.000.000)	90.000.000	-
Chia cổ tức	-	-	(3.602.038.800)	-	(3.602.038.800)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(24.650.000)	(24.650.000)
Số dư tại ngày 30/06/2013	30.016.990.000	1.298.677.319	1.535.626.163	73.375.380	32.924.668.862
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	710.327.535	-	710.327.535
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	(23.600.000)	(23.600.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	30.016.990.000	1.298.677.319	2.245.953.698	49.775.380	33.611.396.397

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Kỳ này	Đầu năm
· Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Phát Triển Nhà Kiên Giang	12.393.320.000	12.393.320.000
· Vốn góp của các đối tượng khác	17.623.670.000	17.623.670.000
Tổng cộng	30.016.990.000	30.016.990.000

5.13.3. Cổ phần

	Kỳ này	Đầu năm
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	3.001.699	3.001.699
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	3.001.699	3.001.699
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	3.001.699	3.001.699
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VNĐ/ cp		

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý III năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13.3.	Lãi cơ bản trên cổ phần		
		Kỳ này	Kỳ trước
	Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	710.327.535	1.637.028.282
	Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	3.001.699	3.001.699
	Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	237	545
5.13.3.	Phân phối lợi nhuận		
		Kỳ này	Kỳ trước
	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	1.535.626.163	3.637.315.021
	Lợi nhuận sau thuế kỳ này	710.327.535	1.637.028.282
	Trích lập Quỹ dự phòng tài chính		
	Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
	Trích lập quỹ từ thiện xã hội		
	Chia cổ tức		
	Lợi nhuận chưa phân phối	2.245.953.698	5.274.343.303
6.	Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh		
6.1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
		Kỳ này	Kỳ trước
	Doanh thu bán sản phẩm gạch	7.263.871.902	8.581.641.138
	Doanh thu vận chuyển gạch	733.936.982	812.981.308
	Doanh thu bán đất bùn	99.584.058	
	Doanh thu thuần	8.097.392.942	9.394.622.446
6.2.	Giá vốn hàng bán		
		Kỳ này	Kỳ trước
	Giá vốn của sản phẩm gạch	4.132.209.021	5.151.628.164
	Giá vốn của dịch vụ vận chuyển gạch	803.368.813	898.093.854
	Giá vốn bán đất bùn	26.419.955	
	Tổng cộng	4.961.997.789	6.049.722.018
6.3.	Chi phí bán hàng		
		Kỳ này	Kỳ trước
	Chi phí nhân viên	165.922.134	152.773.328
	Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ	277.690.219	105.368.267
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.321.156	25.761.000
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	393.827.806	368.498.122
	Chi phí bằng tiền khác	112.684.657	89.510.671
	Tổng cộng	972.445.972	741.911.388

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý III năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	319.063.908	306.338.893
Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ	42.123.572	43.541.068
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.936.615	75.205.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.969.093	51.440.805
Chi phí bằng tiền khác	341.586.692	321.112.019
Tổng cộng	836.679.880	797.638.729

6.5. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.729.335.893	3.067.547.080
Chi phí nhân công	1.204.553.297	1.397.796.274
Chi phí khấu hao tài sản cố định	428.484.387	322.877.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	564.951.094	612.376.087
Chi phí khác bằng tiền	165.759.881	128.325.439
Tổng cộng	5.093.084.552	5.528.922.385

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Phát Triển Nhà Kiên Giang	Công ty liên kết
2. Công Ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Nhà Kiên Giang	Công ty cùng tập đoàn của Công ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Nhà Kiên Giang

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	1.413.446.470	3.896.205.550
Phải trả - Xem thêm mục 5.9	(1.741.698.859)	(974.888.088)
Tổng cộng	(330.518.389)	2.921.317.462

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Bán hàng	1.457.791.155	1.954.192.727

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý III năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 18 tháng 10 năm 2013.

Kiên Lương, ngày 18 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐĂNG THỊ KIM UYÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM VĂN CƠ

GIÁM ĐỐC



LÂM DUY KHÁNH

